

M/10

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 118 /2007/ TT-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2007

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11.

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chi phí quản lý dự án đầu tư là toàn bộ các khoản chi phí cần thiết để chủ đầu tư, ban quản lý dự án (BQLDA) tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án trong suốt quá trình đầu tư của dự án.

2. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh: các chủ đầu tư, BQLDA quản lý các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (NSNN) kể cả các dự án sử dụng vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn Trái phiếu Chính phủ phải quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này, đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Các dự án có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng không phải lập và duyệt dự toán riêng nhưng phải sử dụng chi phí quản lý dự án theo nội dung quy định tại điểm 3 (3.2), mục IV, phần Quy định cụ thể của Thông tư này và không vượt định mức về chi phí quản lý dự án theo quy định của cấp quyết định đầu tư. Quyết toán chi phí quản lý dự án cùng với quyết toán dự án hoàn thành.

4. Doanh nghiệp tư vấn thực hiện quản lý dự án theo hợp đồng tư vấn không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. PHÂN NHÓM QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Nhóm I: gồm các BQLDA do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng các cơ quan khác ở trung ương, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập để quản lý các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A quy mô lớn; có tư cách pháp nhân độc lập; có biên chế cán bộ BQLDA hưởng lương từ nguồn kinh phí quản lý dự án.

2. Nhóm II: gồm các chủ đầu tư trong trường hợp không thành lập BQLDA và các BQLDA khác với quy định tại nhóm I; cán bộ BQLDA nhóm này không hưởng lương từ nguồn kinh phí quản lý dự án.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC NHÓM QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Đối với Nhóm I

1.1. BQLDA nhóm I thực hiện Chế độ kế toán chủ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.

1.2. Hàng năm, căn cứ kế hoạch vốn đầu tư được giao, BQLDA lập dự toán chi phí quản lý dự án năm, đề nghị cơ quan tài chính của cấp quyết định thành lập BQLDA thẩm định và phê duyệt. Thời gian lập và phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm tính từ khi có quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư và chậm nhất vào ngày 31/01 năm kế hoạch. Quyết định phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án năm gửi đến BQLDA và cơ quan thanh toán vốn đầu tư để thực hiện.

a) Trường hợp BQLDA mới thành lập hoặc vào đầu năm kế hoạch, nếu chưa có quyết định phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án năm, BQLDA có văn bản đề nghị cơ quan tài chính của cấp quyết định thành lập BQLDA và cơ quan thanh toán tạm ứng kinh phí từ ngân sách nhà nước để chi cho các khoản (1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9) trong nội dung dự toán chi phí quản lý dự án năm quy định tại điểm 3(3.1) mục IV; trong đó:

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương theo bảng lương thực tế, không tính hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương;

- Chi thanh toán dịch vụ công cộng, chi mua vật tư văn phòng ở mức đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

BQLDA có trách nhiệm làm thủ tục thanh toán và hoàn trả tạm ứng ngay sau khi dự toán chi phí quản lý dự án năm được duyệt; thời gian được tạm ứng không quá 02 tháng.

b) Trường hợp được cấp có thẩm quyền hỗ trợ kinh phí đột xuất cho BQLDA theo mục tiêu hoặc hỗ trợ thu nhập cho cán bộ quản lý dự án thì BQLDA được phép bổ sung nguồn kinh phí để chi cho mục tiêu hoặc hỗ trợ thu nhập cho cán bộ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

1.3. Kết thúc năm kế hoạch, BQLDA lập quyết toán chi phí quản lý dự án năm gửi đến cơ quan tài chính của cấp quyết định thành lập BQLDA, chậm nhất là ngày 28 tháng 02 năm sau để thẩm định, phê duyệt quyết toán.

1.4. Khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, BQLDA tổng hợp quyết toán chi phí quản lý dự án các năm với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với Nhóm II

2.1. Sau khi dự án được ghi kế hoạch vốn và triển khai thực hiện dự án; BQLDA hoặc chủ đầu tư trong trường hợp không thành lập BQLDA lập dự toán chi phí quản lý dự án cho toàn bộ quá trình thực hiện dự án, không phân chia theo năm, lập riêng cho từng dự án, trình chủ đầu tư thẩm định và phê duyệt. Quyết định phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án gửi đến BQLDA và cơ quan thanh toán vốn đầu tư để thực hiện.

2.2. Khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, BQLDA hoặc chủ đầu tư trong trường hợp không thành lập BQLDA lập quyết toán chi phí quản lý dự án cùng với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

3. Kiểm soát thanh toán chi phí quản lý dự án

3.1. Cơ quan kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thực hiện kiểm soát thanh toán chi phí quản lý dự án theo dự toán được duyệt, đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

3.2. Trong quá trình sử dụng, chủ đầu tư (BQLDA) được chủ động điều chỉnh các khoản chi trong dự toán chi phí quản lý dự án (không phải điều chỉnh bằng văn bản), nhưng không được vượt tổng giá trị dự toán chi phí quản lý dự án đã được duyệt.

4. Xử lý trường hợp thu tiền bán hồ sơ mời thầu

Mức thu tiền bán hồ sơ mời thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; chi phí cho việc tổ chức đấu thầu không được lớn hơn kinh phí thu được do bán hồ sơ mời thầu; phần còn lại của kinh phí thu được do bán hồ sơ mời thầu sau khi quyết toán các chi phí cần thiết cho việc tổ chức đấu thầu, chủ đầu tư (BQLDA) nộp ngân sách nhà nước.

5. Việc mua sắm và sử dụng phương tiện đi lại

Việc mua sắm và sử dụng phương tiện đi lại là xe ô tô phục vụ công tác quản lý dự án (nếu có) phải lập dự toán riêng trình cấp có thẩm quyền

quyết định, tuân thủ các quy định tại Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước. Chủ đầu tư (BQLDA) không được cho thuê, cho mượn đối với tài sản của dự án.

III. NGUỒN KINH PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Nguồn kinh phí quản lý dự án của các dự án đầu tư được trích trong nguồn vốn đầu tư của dự án.

2. Định mức trích kinh phí quản lý dự án:

2.1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình, định mức trích kinh phí quản lý dự án xác định theo quy định của cấp quyết định đầu tư trên cơ sở định mức chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng công bố.

2.2. Đối với các dự án không có chi phí xây dựng và thiết bị hoặc tổng chi phí xây dựng và thiết bị nhỏ hơn 60% tổng mức đầu tư của dự án, định mức trích kinh phí quản lý dự án xác định theo quy định của cấp quyết định đầu tư.

2.3. Đối với các dự án ODA: nếu hiệp định của dự án có quy định cụ thể về mức kinh phí quản lý dự án thì thực hiện theo hiệp định; nếu hiệp định của dự án không quy định cụ thể về mức kinh phí quản lý dự án thì xác định theo quy định tại điểm 2 (2.1; 2.2), mục III.

IV. LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Căn cứ lập dự toán chi phí quản lý dự án

- Quyết định đầu tư;
- Quyết định thành lập BQLDA;
- Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư;
- Bảng tính lương của cán bộ (đối với BQLDA nhóm I).

2. Xác định tổng mức chi phí quản lý dự án

2.1. Căn cứ tổng mức đầu tư của dự án được duyệt và định mức quy định của cấp quyết định đầu tư để xác định tổng chi phí quản lý dự án (ký hiệu là G_{QLDA}) theo Mẫu số 01/DT.QLDA kèm theo;

2.2. Xác định giá trị chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư (BQLDA) tự thực hiện (ký hiệu là G_{TV});

2.3. Xác định giá trị chi phí những công việc thuộc chi phí quản lý dự án phải thuê tư vấn thực hiện (ký hiệu là $G_{QLDA-TV}$);

2.4. Xác định giá trị chi phí những công việc thuộc chi phí quản lý dự án không phải thực hiện do đặc thù của dự án nếu có (ký hiệu là $G_{QLDA-KTH}$);

2.5. Tổng mức chi phí quản lý dự án phần do chủ đầu tư (BQLDA) được sử dụng trong suốt quá trình quản lý dự án được xác định theo công thức (1) dưới đây, ký hiệu là $G_{QLDA(CBT)}$; là mức tối đa để lập dự toán chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư (BQLDA).

$$(1) G_{QLDA(CBT)} = G_{QLDA} + G_{TV} - G_{QLDA-TV} - G_{QLDA-KTH}$$

3. Nội dung dự toán chi phí quản lý dự án

3.1. Đối với BQLDA nhóm I:

Trên cơ sở tiến độ thực hiện dự án theo kế hoạch, BQLDA phân bổ chi phí quản lý dự án ($G_{QLDA(CBT)}$) đã xác định ở Mẫu số 01/DT.QLDA cho các năm triển khai thực hiện dự án để đưa vào dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm. Nội dung của dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm gồm:

(1). Chi tiền lương: lương ngạch bậc theo quỹ lương được giao, lương hợp đồng dài hạn đối với các cá nhân được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương.

Việc xác định quỹ tiền lương cho cán bộ quản lý dự án phải đảm bảo đúng biên chế được duyệt của cấp có thẩm quyền. Trường hợp tiết kiệm các khoản chi tiêu khác, BQLDA được áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm thu nhập cho người lao động theo quy định hiện hành (hiện nay là Quyết định 198/1999/QĐ-TTg ngày 30/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về tiền lương của các ban quản lý xây dựng, Thông tư số 32/1999/TT-LĐTBXH ngày 23/12/1999 của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định 198/1999/QĐ-TTg ngày 30/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về tiền lương của các ban quản lý xây dựng).

(2). Các khoản phụ cấp lương: chức vụ, trách nhiệm, khu vực, thu hút, đất đỏ, thêm giờ, độc hại, nguy hiểm, lưu động, phụ cấp đặc biệt của ngành đối với các cá nhân được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

(3). Các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, trích nộp khác đối với các cá nhân được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

(4). Chi tiền thưởng: thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất (nếu có) theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

(5). Chi phúc lợi: thanh toán tiền nghỉ phép, nghỉ chế độ, trợ cấp khó khăn thường xuyên, trợ cấp khó khăn đột xuất theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

(6). Chi làm thêm giờ: chỉ tính cho cá nhân không hưởng phụ cấp thêm giờ ở khoản (2) thuộc điểm 3(3.1) mục IV và trường hợp làm thêm giờ tính được thời gian cụ thể theo bảng chấm công và quy định của Luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cùng các văn bản hướng dẫn thực hiện.

(7). Chi thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

(8). Chi mua vật tư văn phòng: dụng cụ văn phòng, tủ tài liệu, bàn ghế, sách và tài liệu dùng cho chuyên môn, văn phòng phẩm theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

(9). Chi thanh toán dịch vụ công cộng: điện sinh hoạt, nước sinh hoạt, cước phí điện thoại, bưu chính, Fax, vệ sinh môi trường, thanh toán các dịch vụ khác theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

(10). Chi phí mua sắm tài sản phục vụ quản lý: phương tiện phòng cháy chữa cháy, máy tính, phần mềm máy tính.

(11). Chi sửa chữa tài sản.

(12). Chi phí thuê mướn: thuê phương tiện đi lại, nhà làm việc, thiết bị phục vụ các loại, thuê chuyên gia.

(13). Chi phí hội nghị, học tập nghiệp vụ theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

(14). Chi phí đoàn ra, đoàn vào (nếu có): Vé máy bay, tiền ăn ở, tiêu vật... theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

(15). Dự phòng: tính bằng 10% của dự toán.

3.2. Đối với chủ đầu tư (BQLDA) nhóm II:

Trên cơ sở tổng mức chi phí quản lý dự án phân do chủ đầu tư (BQLDA) được sử dụng ($G_{QLDA(CĐT)}$) đã xác định ở Mẫu số 01/DT.QLDA; BQLDA tiến hành lập dự toán chi phí quản lý dự án cho toàn bộ quá trình thực hiện dự án, không phân chia theo năm. Nội dung dự toán chi phí quản lý dự án gồm:

- Các khoản chi tương ứng từ (6) đến (11) của nhóm I trên đây;

- Phụ cấp quản lý dự án: chỉ tính cho những người trực tiếp thực hiện các công việc thuộc quản lý dự án, bao gồm cả cán bộ BQLDA và cán bộ thuộc chủ đầu tư. BQLDA căn cứ mức độ thời gian tham gia quản lý của từng cán bộ và nguồn chi phí quản lý dự án cụ thể để tính tỷ lệ % được hưởng cho cán bộ. Mức chi phụ cấp quản lý dự án một tháng cho một cá nhân tối đa bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của cá nhân đó.

- Dự phòng tính bằng 10% của dự toán.

4. Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Quyết định thành lập BQLDA; quyết định đầu tư; quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư;
- Bản tính chi phí quản lý dự án do chủ đầu tư (BQLDA) thực hiện (Mẫu số 01/DT.QLDA);
- Đối với BQLDA nhóm I: Dự toán chi phí quản lý dự án năm (Mẫu số 02A/DT.QLDA); Bảng tính lương của cán bộ (Phụ biểu F02A/DT.QLDA);
- Đối với chủ đầu tư (BQLDA) nhóm II: Dự toán chi phí quản lý của toàn bộ dự án (Mẫu số 02B/DT.QLDA).

V. THẨM ĐỊNH, DUYỆT DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Trình tự thẩm định dự toán chi phí quản lý dự án:

- Thẩm định nội dung công việc, phương pháp tính toán và kết quả trong Bản tính chi phí quản lý dự án do chủ đầu tư (BQLDA) thực hiện theo Mẫu số 01/DT.QLDA.
- Thẩm định sự phù hợp trong việc phân bổ mức chi cho các năm và mức chi của năm kế hoạch (đối với BQLDA nhóm I);
- Thẩm định sự phù hợp của các nội dung chi trong dự toán với các tiêu chuẩn, định mức và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

2. Thủ trưởng cơ quan tài chính của cấp quyết định thành lập BQLDA phê duyệt dự toán năm của BQLDA nhóm I theo Mẫu số 03A/QĐ.QLDA. Chủ đầu tư phê duyệt dự toán của BQLDA nhóm II theo Mẫu số 03 B/QĐ.QLDA.

3. Quyết định phê duyệt dự toán được gửi chủ đầu tư (BQLDA), cơ quan thanh toán và các đơn vị có liên quan.

4. Thời gian thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự toán theo quy định.

VI. QUYẾT TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Hồ sơ quyết toán chi phí quản lý dự án hàng năm đối với BQLDA nhóm I gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán;
- Báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch theo Mẫu số 01/QT.QLDA;
- Bảng đối chiếu số liệu thanh toán chi phí quản lý dự án theo Mẫu số 04/QT.QLDA;
- Các chứng từ chi tiêu phát sinh trong năm.

2. Hồ sơ quyết toán chi phí quản lý dự án khi dự án hoàn thành

2.1. Đối với nhóm I:

- Bản Tổng hợp quyết toán chi phí quản lý dự án theo Mẫu số 02/QT.QLDA;

- Tập bản sao quyết định phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án các năm của dự án.

- Báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án năm cuối theo Mẫu số 01/QT.QLDA;

- Bảng đối chiếu số liệu thanh toán chi phí quản lý dự án theo Mẫu số 04/QT.QLDA;

- Các chứng từ chi tiêu phát sinh trong năm cuối.

2.2. Đối với nhóm II:

- Báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án theo Mẫu số 03/QT.QLDA;

- Bảng đối chiếu số liệu thanh toán chi phí quản lý dự án theo Mẫu số 04/QT.QLDA;

- Các chứng từ chi tiêu phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

3. Thẩm tra quyết toán chi phí quản lý dự án

- Đối chiếu sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán với dự toán được duyệt;

- Xem xét các chứng từ chi tiêu đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ và tuân thủ theo chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước;

- Xem xét các khoản tạm ứng cuối năm (nếu có).

4. Quyết định phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án

4.1. Quyết định phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch đối với BQLDA nhóm I tương tự như Quyết định phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch theo Mẫu số 03A/QT.QLDA; được gửi chủ đầu tư (BQLDA), cơ quan thanh toán và các đơn vị có liên quan.

4.2. Quyết toán chi phí quản lý dự án đối với chủ đầu tư (BQLDA) nhóm II được phê duyệt chung trong quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

VII. KIỂM TRA

1. Đơn vị quản lý tài chính - đầu tư thuộc các bộ, ngành, địa phương có kế hoạch tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án tại các đơn vị chủ đầu tư (BQLDA) thuộc phạm vi quản lý của mình để kịp thời uốn nắn các sai phạm trong quá trình quản lý dự án.

2. Các chủ đầu tư (BQLDA) tự tổ chức kiểm tra định kỳ hàng quý về việc thực hiện quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư ở đơn vị, qua đó rút kinh nghiệm để thực hiện quản lý có hiệu quả.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- Chịu trách nhiệm đôn đốc BQLDA thực hiện việc lập dự toán, lập báo cáo quyết toán, trình duyệt dự toán, trình duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này;

- Thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án (đối với BQLDA nhóm II) đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của BQLDA

- Thực hiện việc lập dự toán, lập báo cáo quyết toán, trình duyệt dự toán, quyết toán chi phí quản lý dự án đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ về việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án; về tính chính xác của số liệu và tính pháp lý của hồ sơ trình duyệt.

3. Trách nhiệm của cơ quan thẩm định, phê duyệt

- Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định dự toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án trên cơ sở hồ sơ do BQLDA gửi đến.

- Trong quá trình thẩm tra quyết toán có quyền thu hồi hoặc quy trách nhiệm bồi thường các khoản chi sai chế độ, yêu cầu BQLDA chấp hành nộp ngân sách nhà nước các khoản thu nộp theo quy định.

4. Trách nhiệm của cơ quan kiểm soát thanh toán

- Chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư theo dự toán được duyệt, phù hợp chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này;

- Đối chiếu, xác nhận số vốn đã thanh toán đối với báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án; đồng thời có ý kiến nhận xét, đánh giá, kiến nghị với cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán về việc chấp hành của chủ đầu tư.

5. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

- Thường xuyên kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý; có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng trên Công báo và thay thế Thông tư số 98/2003/TT-BTC ngày 14/10/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Các chủ đầu tư, BQLDA đã phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án trước ngày có hiệu lực của Thông tư này, tiếp tục thực hiện theo dự toán đã duyệt cho đến hết năm kế hoạch đối với BQLDA nhóm I và đến khi kết thúc dự án đối với chủ đầu tư (BQLDA) thuộc nhóm II.

3. Các BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực trong thời gian chưa chuyển đổi hoặc giải thể được theo quy định của Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP của Chính phủ, tiếp tục thực hiện theo quy định đối với BQLDA nhóm I của Thông tư này./.

Nơi nhận :

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Các Tổng Công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu : VT, Vụ ĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Công Nghiệp

TÊN ĐƠN VỊ:...

Mẫu số: 01/DT. QLDA
(Dùng cho cả 2 nhóm)

**BẢN TÍNH CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN
DO CHỦ ĐẦU TƯ (BQLDA) THỰC HIỆN**

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc, diễn giải	Kết quả
I	Chi phí quản lý dự án: (Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng) ...	G_{QLDA}
II	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng chủ đầu tư (BQLDA) tự làm: (Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)	G_{TV}
1		
2		
...		
III	Dự kiến những công việc thuộc chi phí QLDA thuê tư vấn (nếu có): (Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)	$G_{QLDA-TV}$
1		
2		
...		
IV	Dự kiến những công việc thuộc chi phí QLDA không thực hiện do đặc thù của dự án (nếu có): (Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)	$G_{QLDA-KTH}$
1		
2		
...		
V	Tổng mức chi phí do chủ đầu tư (BQLDA) được sử dụng ($G_{QLDA(CĐT)} = I + II - III - IV$)	$G_{QLDA(CĐT)}$

..., Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TÊN ĐƠN VỊ:

Mẫu số: 02A / DT.QLDA

(Dùng cho BQL nhóm I)

DỰ TOÁN KINH PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM...

Tên BQLDA:

A- Dự kiến chi phí được sử dụng:

Đơn vị tính: đồng

T	Nội dung	Tổng mức được trích	Lũy kế đã trích các năm trước	Còn được trích	Dự kiến trích năm kế hoạch
1	2	3	4	5 = 3-4	6
	Tổng cộng				
1	Nguồn được trích từ dự án				
2	Nguồn năm trước chuyển sang				
3	Nguồn khác (nếu có)				

B- Dự toán chi năm kế hoạch:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm báo cáo		Dự kiến mức chi năm kế hoạch
		Dự toán được duyệt	Ước thực hiện cả năm	
1	2	3	4	5
	Tổng số			
1	Tiền lương			
2	Các khoản phụ cấp lương			
3	Trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ			
4	Chi tiền thưởng			
5	Chi phúc lợi			
6	Chi làm thêm giờ			
7	Chi công tác phí			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Thanh toán dịch vụ công cộng			
10	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý			
11	Chi sửa chữa tài sản			
12	Chi thuê mướn			
13	Chi hội nghị, học tập nghiệp vụ			
14	Chi đoàn ra, đoàn vào			
15	Dự phòng			

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ trách kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ biểu F 02A/DT.QLĐA
(Dùng cho BQL nhóm I)

BẢNG LƯƠNG THÁNG.... NĂM

(Dùng cho Ban quản lý dự án nhóm I)

Số TT	Họ và tên	Lương ngạch bậc			Phụ cấp lương					Tổng tiền lương và phụ cấp	Ghi chú
		Mã số ngạch	Hệ số lương	Tiền lương	Chức vụ	Hệ số phụ cấp			Tiền phụ cấp		
4	5					6	7	8		9	10
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1											
2											
...											
	Tổng số										

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

..... Ngày tháng năm.....

TÊN ĐƠN VỊ:

Mẫu số: 02 B / DT.QLDA
(Dùng cho BQL nhóm II)

DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Tên dự án:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự kiến mức chi
1	2	3
	Tổng số	
1	Phụ cấp quản lý dự án	
2	Chi làm thêm giờ	
3	Chi công tác phí	
4	Chi mua vật tư văn phòng	
5	Thanh toán dịch vụ công cộng	
6	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý	
7	Chi sửa chữa tài sản	
8	Dự phòng	

..., Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN DUYỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số : /QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 : Duyệt dự toán chi phí quản lý dự án năm....
Ban quản lý dự án.....

1.1. Tổng chi phí được sử dụng:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Thành tiền
1	Tổng chi phí quản lý dự án G_{QLDA}	
2	Tổng chi phí tư vấn do BQLDA tự làm G_{TV}	
3	Dự kiến tổng chi phí QLDA thuê tư vấn G_{QLDA-TV}	
4	Dự kiến tổng chi phí QLDA không thực hiện G_{QLDA-KTH}	
5	Tổng mức chi phí BQLDA được sử dụng G_{QLDA(CĐT)}	

1.2. Dự toán chi tiết:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Mức chi
1	2	3
	Tổng số	
1	Tiền lương	
2	Các khoản phụ cấp lương	
3	Trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ	
4	Chi tiền thưởng	

5	Chi phúc lợi	
6	Chi làm thêm giờ	
7	Chi công tác phí	
8	Chi mua vật tư văn phòng	
9	Thanh toán dịch vụ công cộng	
10	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý	
11	Chi sửa chữa tài sản	
12	Chi thuê mướn	
13	Chi hội nghị, học tập nghiệp vụ	
14	Chi đoàn ra, đoàn vào	
15	Dự phòng	

Điều 2 : Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BQLDA....;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số: /QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý,
sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Duyệt dự toán chi phí quản lý dự án của dự án.....

.....; Với các nội dung sau:

1.1. Tổng chi phí được sử dụng:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Thành tiền
1	Tổng chi phí quản lý dự án G_{QLDA}	
2	Tổng chi phí tư vấn do BQLDA tự làm G_{TV}	
3	Dự kiến tổng chi phí QLDA thuê tư vấn $G_{QLDA-TV}$	
4	Dự kiến tổng chi phí QLDA không thực hiện $G_{QLDA-KTH}$	
5	Tổng mức chi phí BQLDA được sử dụng $G_{QLDA(CBT)}$	

1.2. Dự toán chi tiết:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Mức chi
1	2	3
	Tổng số	
1	Phụ cấp quản lý dự án	
2	Chi làm thêm giờ	
3	Chi công tác phí	
4	Chi mua vật tư văn phòng	
5	Thanh toán dịch vụ công cộng	
6	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý	
7	Chi sửa chữa tài sản	
8	Dự phòng	

Điều 2 : Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BQLDA;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ...

Mẫu số 01 /QT.QLDA
(Dùng cho BQL nhóm I)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN
Năm

Tên BQLDA:...

Tên dự án:...

2. Quyết toán nguồn:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Chuyển năm sau
1	Nguồn được trích theo dự án			
2	Nguồn năm trước chuyển sang			
3	Nguồn khác (nếu có)			
	Tổng cộng			

2. Chi phí đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
1	2	3	
	Tổng số		
1	Tiền lương		
2	Các khoản phụ cấp lương		
3	Trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ		
4	Chi tiền thưởng		
5	Chi phúc lợi		
6	Chi làm thêm giờ		
7	Chi công tác phí		
8	Chi mua vật tư văn phòng		
9	Thanh toán dịch vụ công cộng		
10	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý		
11	Chi sửa chữa tài sản		
12	Chi thuê mướn		
13	Chi hội nghị, học tập nghiệp vụ		
14	Chi đoàn ra, đoàn vào		

.....Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ trách kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN ĐƠN VỊ...

Mẫu số 02 /QT.QLDA
(Dùng cho BQL nhóm I)

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Tên BQLDA:...

Tên dự án:...

1. Tổng hợp quyết toán nguồn:

Đơn vị tính: đồng

T T	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Đề nghị quyết toán
1	Nguồn được trích theo dự án			
2	Nguồn khác			
	Tổng cộng			

2. Chi phí quản lý dự án thực hiện qua các năm:

Đơn vị tính: đồng

T T	Năm thực hiện	Dự toán	Quyết toán	Chuyển năm sau
1				
2				
3				
	Tổng cộng			

.....Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ trách kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN ĐƠN VỊ...

Mẫu số 03 /QT.QLDA
(Dùng cho BQL nhóm II)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Tên chủ đầu tư (BQLDA):.....

Tên dự án:

1. Quyết toán nguồn:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
1	Tổng chi phí quản lý dự án G_{QLDA}		
2	Tổng chi phí tư vấn do BQLDA tự làm G_{TV}		
3	Tổng chi phí QLDA thuê tư vấn $G_{QLDA-TV}$		
4	Tổng chi phí QLDA không thực hiện $G_{QLDA-KTH}$		
5	Tổng mức chi phí BQLDA sử dụng $G_{QLDA}(CĐT)$		

2. Chi phí đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
1	2	3	4
	Tổng số		
1	Phụ cấp quản lý dự án		
2	Chi làm thêm giờ		
3	Chi công tác phí		
4	Chi mua vật tư văn phòng		
5	Thanh toán dịch vụ công cộng		
6	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý		
7	Chi sửa chữa tài sản		

3. Thuyết minh:

.....Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ trách kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Kho bạc nhà nước.....

Xác nhận số vốn đã thanh toán chi phí quản lý dự án của:

Tên chủ đầu tư (BQLDA):.....

Tên dự án:

Đơn vị tính: đồng

TT	Số liệu báo cáo của chủ đầu tư (BQLDA)			KBNN xác nhận đã thanh toán
	Nội dung	Dự toán duyệt	Thực hiện	
I	Tổng nguồn:			
1	Nguồn được trích theo dự án			
2	Nguồn khác			
II	Chi phí quản lý dự án thực hiện qua các năm:			
1				
2				
...				

Nhận xét và kiến nghị của KBNN về công tác quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư (BQLDA):

-
-
-

.....Ngày...tháng...năm....

Chủ đầu tư (BQLDA)

.....Ngày...tháng...năm....

Kho bạc Nhà nước

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

Trưởng phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)